

Cq: UBND Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1628/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 12 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2538/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XV, kỳ họp mười hai về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2169/STC-NS ngày 09/12/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (theo biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 được giao các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương đảm bảo:

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chi Cục hải quan Ma Lù Thàng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan trong phạm vi dự toán được giao.

- Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý thu, cơ cấu lại nguồn thu đảm bảo tính bền vững; quản lý chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đảm bảo đúng đối tượng



theo quy định của pháp luật, thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước; tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế; đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra, thông báo thẩm tra quyết toán và quyết toán dự án hoàn thành theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; chỉ đề xuất ban hành chính sách khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân nhưng thiếu vốn, hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

- Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phương án tự chủ tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; ban hành đầy đủ định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để làm căn cứ xây dựng đơn giá, kế hoạch đặt hàng và giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đối với kinh phí mua sắm tài sản (thuộc danh mục mua sắm tập trung) đã được bố trí trong dự toán, yêu cầu các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu, danh mục tài sản đề nghị mua sắm gửi về đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh trước ngày 31/01/2023 theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Đối với kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công đã được bố trí trong dự toán: Yêu cầu các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh khẩn trương thực hiện quy trình theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

## 2. Tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương

Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2023 từ: Một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan,



đơn vị; sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%; 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2022 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2022 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các khoản thu được loại trừ theo quy định).

### 3. Giao Sở Tài chính

- Chủ động trả nợ gốc đúng hạn theo kế ước vay năm 2023 số tiền: 2.900 triệu đồng từ nguồn bội thu ngân sách địa phương: 2.800 triệu đồng và tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách tỉnh: 100 triệu đồng.

- Xác định số tăng thu ngân sách tỉnh trình cấp có thẩm quyền (nếu có); số tăng thu nguồn ngân sách của các huyện, thành phố, làm cơ sở để thông báo cho các địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết kinh phí kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khi đảm bảo điều kiện phân bổ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản triển khai, điều hành thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/01/2023.

### 4. Giao các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc là cơ quan chủ quản các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ dự toán nguồn vốn sự nghiệp được trung ương giao thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; Các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã được ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, khẩn trương phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố lập phương án phân bổ chi tiết theo từng lĩnh vực chi, dự án, nội dung thành phần gửi Sở Tài chính trước ngày 25/01/2023 để thẩm định, trình UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết trước ngày 01/02/2023.

### 5. Các huyện, thành phố

- Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện các đề án, nghị quyết do tỉnh ban hành và kinh



phí bổ sung có mục tiêu theo đúng dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Giao kinh phí cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề đảm bảo không thấp hơn dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Trong phân bổ ngân sách địa phương ưu tiên bố trí kinh phí triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2021-2025 thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương. Đồng thời, chủ động cân đối bố trí đối ứng từ ngân sách địa phương, lồng ghép, huy động tối đa các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Dành tối thiểu 50% để bố trí cho Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh; tối thiểu 10% để bố trí kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Sau khi bố trí đủ kinh phí cho nhiệm vụ nêu trên, hoặc trường hợp số kinh phí bố trí lũy kế các năm đã đáp ứng đủ nhu cầu, số kinh phí còn lại mới bố trí chi đầu tư thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Chủ động sử dụng dự toán được giao để kịp thời chi trả các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người theo quy định.

- Trong điều hành tài chính- ngân sách nhà nước năm 2023, trường hợp địa phương có nguồn thu cân đối giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của địa phương, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, thực hiện điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở theo Kết luận số 25-KL/TW ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị.

6. Thời gian phân bổ chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và báo cáo kết quả thực hiện:

- Căn cứ dự toán được giao, các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách đến từng đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo đúng nội dung trước ngày 31/12/2022. Thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ và giao dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.



- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

7. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện các kiến nghị, kết luận của cơ quan Thanh tra các cấp, Kiểm toán nhà nước, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân. Đồng thời khắc phục tồn tại, hạn chế như tình trạng chuyển nguồn ngân sách sang năm sau vẫn còn ở mức cao, kết dư ngân sách để phát huy hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Ma Lù Thàng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Th6.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Tiến Dũng**







**GIAO DƯ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**  
**THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

**A. BIỂU THU NGÂN SÁCH:**

**ĐVT: Triệu đồng**

| NỘI DUNG THU                                | DỰ TOÁN<br>NĂM 2023 | GHI CHÚ |
|---|---------------------|---------|
| <b>TỔNG THU NSDP</b>                        | <b>464.868</b>      |         |
| <b>A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>        | <b>203.700</b>      |         |
| <i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>      | <i>178.590</i>      |         |
| <b>I. Thu nội địa</b>                       | <b>203.700</b>      |         |
| 1. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh          | 36.500              |         |
| 2. Lệ phí trước bạ                          | 25.000              |         |
| 3. Thuế thu nhập cá nhân                    | 9.500               |         |
| 4. Thu phí, lệ phí                          | 3.000               |         |
| - <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>         | 350                 |         |
| - <i>Ngân sách huyện hưởng</i>              | 2.650               |         |
| 5. Tiền sử dụng đất                         | 116.800             |         |
| - <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>               | 23.360              |         |
| - <i>Ngân sách huyện hưởng</i>              | 93.440              |         |
| 6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước          | 9.800               |         |
| 7. Thu khác ngân sách                       | 3.000               |         |
| - <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>         | 1.350               |         |
| - <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>               | 50                  |         |
| - <i>Ngân sách huyện hưởng</i>              | 1.600               |         |
| 8. Thu cố định tại xã                       | 100                 |         |
| <b>B. THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b> | <b>286.278</b>      |         |
| 1. Bổ sung cân đối                          | 214.474             |         |
| 2. Bổ sung có mục tiêu                      | 71.804              |         |
|   |                     |         |
|   |                     |         |







**B.BIỂU CHI NGÂN SÁCH (thành phố Lai Châu)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| NỘI DUNG CHI  | DỰ TOÁN<br>NĂM 2023 | GHI CHÚ |
|---|---------------------|---------|
| <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>   | <b>464.868</b>      |         |
| <b>A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>   | <b>454.996</b>      |         |
| <b>I. Chi đầu tư phát triển</b>   | <b>124.945</b>      |         |
| <b>1. Chi XDCB tập trung</b>  | <b>31.505</b>       |         |
| <b>2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>   | <b>93.440</b>       |         |
| <b>II. Chi thường xuyên<sup>(1)</sup></b>   | <b>323.579</b>      |         |
| <b>1. Sự nghiệp kinh tế<sup>(2)</sup></b>   | <b>62.950</b>       |         |
| <b>a) Theo định mức 7% chi thường xuyên</b>   | <b>15.169</b>       |         |
| - Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp   | 2.308               |         |
| <i>Tr.đó: + Kinh phí thực hiện mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công</i>   | 400                 |         |
| - Sự nghiệp giao thông  | 1.000               |         |
| - Sự nghiệp thủy lợi  | 3.000               |         |
| - Sự nghiệp kinh tế khác  | 8.861               |         |
| + <i>Tr.đó: Kinh phí điện chiếu sáng</i>  | 800                 |         |
| <b>b) Hỗ trợ có mục tiêu</b>  | <b>46.089</b>       |         |
| - Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường ( <i>Đã bao gồm kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường, nạo vét...</i> )  | 18.000              |         |
| - Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị   | 14.000              |         |
| - Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu  | 300                 |         |
| - Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa  | 606                 |         |
| - Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  | 983                 |         |
| - Kinh phí vận hành, sửa chữa điện và điện chiếu sáng   | 8.000               |         |
| - Hỗ trợ kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị cho bộ phận một cửa cấp huyện, xã   | 4.200               |         |
| ...   |                     |         |
| <b>c) Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết</b>  | <b>1.692</b>        |         |
| - Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025   | 1.622               |         |
| - Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025  | 70                  |         |
| <b>2. Chi sự nghiệp môi trường</b>  | <b>3.000</b>        |         |
| <b>3. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>  | <b>170.444</b>      |         |
| <b>3.1. Sự nghiệp giáo dục<sup>(3)</sup></b>  | <b>168.318</b>      |         |
| <i>Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ</i>  | 691                 |         |
| - Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã khu vực II thuộc huyện nghèo 30a và các xã thoát khỏi xã ĐBKK không hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND | 200                 |         |
| - Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ  | 282                 |         |
| - Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ   | 1.181               |         |
| - Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ   | 292                 |         |
| - Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC   | 71                  |         |
| - Kinh phí thực hiện hỗ trợ nấu ăn tập trung  | 845                 |         |



| NỘI DUNG CHI   | DỰ TOÁN<br>NĂM 2023 | GHI CHÚ |
|--|---------------------|---------|
| - Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh   | 35                  |         |
| - Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng ĐBKK, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới | 14.151              |         |
| + Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng ĐBKK, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn  | 12.956              |         |
| + Hỗ trợ kinh phí đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 4 năm học 2023-2024  | 1.195               |         |
| - Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh | 40                  |         |
| <b>3.2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề<sup>(4)</sup></b>  | <b>2.126</b>        |         |
| Tr.đó: - Đào tạo nghề cho lao động nông thôn   | 440                 |         |
| <b>4. Sự nghiệp văn hoá thông tin</b>  | <b>7.087</b>        |         |
| Tr.đó: - Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh  | 201                 |         |
| - Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/2/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh <sup>(5)</sup>   | 4.630               |         |
| <b>5. Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình</b>   | <b>1.980</b>        |         |
| <b>6. Sự nghiệp thể dục thể thao</b>   | <b>678</b>          |         |
| <b>7. Đảm bảo xã hội<sup>(6)</sup></b>   | <b>7.772</b>        |         |
| Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Mai táng phí cho các đối tượng thuộc nhiệm vụ chi của NSĐP, Kinh phí cấp thẻ BHYT cho đối tượng BTXH, người có công với cách mạng  | 5.691               |         |
| - Kinh phí thực hiện chính sách tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội   | 182                 |         |
| <b>8. Quản lý hành chính<sup>(7)</sup></b>   | <b>32.472</b>       |         |
| Tr.đó:- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của các huyện, thành phố   | 3.700               |         |
| - Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho đảng viên được tặng Huy hiệu đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh   | 78                  |         |
| <b>9. Chi an ninh - quốc phòng</b>   | <b>4.631</b>        |         |
| - An ninh  | 1.193               |         |
| Tr.đó: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu               | 713                 |         |
| - Quốc phòng   | 3.438               |         |





| NỘI DUNG CHI  | DỰ TOÁN<br>NĂM 2023 | GHI CHÚ |
|---|---------------------|---------|
| Tr.đó: + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ của dân quân tự vệ theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ | 583                 |         |
| <b>10. Ngân sách xã<sup>(8)</sup></b>   | <b>31.406</b>       |         |
| Tr.đó: - Chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh                  | 700                 |         |
| <b>11. Chi khác ngân sách<sup>(9)</sup></b>   | <b>1.159</b>        |         |
| <b>III. Dự phòng ngân sách</b>  | <b>6.472</b>        |         |
| <b>B. CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>   | <b>9.872</b>        |         |
| <b>I. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia</b>  | <b>9.872</b>        |         |
| <b>1. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới</b>  | <b>3.244</b>        |         |
| - Vốn đầu tư  | 3.244               |         |
| <b>2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>                  | <b>6.628</b>        |         |
| - Vốn đầu tư  | 6.628               |         |

\* **Ghi chú:** (1) Đã bao gồm: Dành nguồn để thực hiện CCTL năm 2023 từ nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên là: 3.570 triệu đồng.

(2) Đã bao gồm: Kinh phí chi cho số biên chế hoạt động sự nghiệp kinh tế, kinh phí ban chỉ đạo các chương trình và một số nội dung chi khác thuộc nhiệm vụ chi từ sự nghiệp kinh tế do ngân sách huyện đảm nhiệm.

(3) Đã bao gồm kinh phí bổ sung giáo viên các bậc học năm học 2022-2023 (11 giáo viên)

(4) Đã bao gồm kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

(5) Bao gồm:

+ Nhiệm vụ 1- Hằng năm, phần đầu mỗi dân tộc được bảo tồn ít nhất 01 di sản văn hóa truyền thống tốt đẹp, cụ thể: Hỗ trợ tổ chức 02 lễ hội Tú tý dân tộc Giáy xã San Thành và lễ hội Gầu tào dân tộc Mông xã Sùng Phài: 160 triệu đồng; Tổ chức lớp truyền dạy âm thực dân tộc Giáy gắn với điểm du lịch cộng đồng San Thành, xã San Thành, TP Lai Châu : 150 triệu đồng

+ Nhiệm vụ 3- Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại bản San Thành (Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc: 1.000 triệu đồng; Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống: 320 triệu đồng; Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch: 500 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch: 2.500 triệu đồng

(6) Đã bao gồm: Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết, chi cứu đói giáp hạt và chi khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn; Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu.

(7) Đã bao gồm: Kinh phí hoạt động của hội đồng giáo dục pháp luật; Kinh phí công tác tiếp dân theo Quyết định 39/2017/QĐ-UBND; Kinh phí may trang phục thanh tra; Kinh phí thực hiện quy chế dân chủ đối với cấp huyện; Kinh phí đảm bảo hoạt động cải cách thủ tục hành chính; Kinh phí hoạt động của HĐND cấp huyện theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND; Kinh phí chăm sóc sức khỏe, thăm viếng chúc tết theo Quyết định số 582-QĐ/TU và Hướng dẫn số 05-HD/BTCTU; Kinh phí Ban chỉ đạo 35-Bảo vệ nền tảng tư tưởng Đảng, tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; Kinh phí hỗ trợ các hội thi hoạt động khác của Đoàn thể; Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Hội nông dân nhiệm kỳ 2023-2028; Kinh phí thực hiện Chính phủ điện tử, cải cách hành chính; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người làm việc tại bộ phận một cửa theo Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND...

(8) Đã bao gồm: Kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương.

(9) Đã bao gồm: Kinh phí thực hiện ban chỉ đạo công tác tôn giáo cấp huyện, cấp xã; chi kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; chi trích lập quỹ thi đua khen thưởng cấp huyện, cấp xã; hỗ trợ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chi thực hiện các nhiệm vụ khác.





↑